

TRƯỜNG THPT NGÔ GIA TỰ

TỔ : VẬT LÝ – CN

MA TRẬN ĐỀ KIỂM TRA GIỮA HỌC KỲ I

NĂM HỌC 2022 - 2023

Môn: **VẬT LÝ** – Khối lớp: 10

Thời gian làm bài: 45 phút

A. Bảng trọng số

STT	Cấp độ	Phần trăm (điểm) trong đề	Số câu hỏi theo hình thức kiểm tra trắc nghiệm	Số câu hỏi theo hình thức kiểm tra tự luận
1	Nhận biết	30 (3 điểm)	4	1 (1,5 điểm)
2	Thông hiểu	40 (4 điểm)	5	1 (2,0 điểm)
3	Vận dụng thấp	20 (2 điểm)	3	1 (1,5 điểm)
4	Vận dụng cao	10 (1 điểm)		1 (1 điểm)
Tổng số câu hỏi			12	
Điểm			4 điểm	6 điểm

Bảng tính điểm, tính số câu

Chủ đề	Nhận biết		Thông hiểu		Vận dụng thấp		Vận dụng cao	
	Trắc nghiệm	Tự Luận	Trắc nghiệm	Tự Luận	Trắc nghiệm	Tự Luận	Trắc nghiệm	Tự Luận
<i>Mô tả chuyển động</i>	2	1	3		2	1		
<i>Chuyển động biến đổi</i>	2		2	1	1			1
Tổng	4	1	5	1	3	1		1

B. Nội dung chi tiết cho từng mức độ nhận thức :

Chủ đề I. Mô tả chuyển động				
Bài	MỨC ĐỘ NHẬN THỨC			
	Nhận biết (Mức độ 1)	Thông hiểu (Mức độ 2)	Vận dụng	
			Vận dụng thấp (Mức 3)	Vận dụng cao (Mức 4)
<i>Bài mở đầu: Giới thiệu mục đích học tập môn Vật Lý</i>	<ul style="list-style-type: none"> Phân biệt được sai số tuyệt đối, sai số tỉ đối của phép đo một đại lượng vật lý. Cách viết đúng một đại lượng vật lý từ kết quả đo. 	<ul style="list-style-type: none"> Các công thức tính sai số tuyệt đối, sai số tỉ đối của phép đo một đại lượng vật lý. Cách viết đúng kết quả đo của một đại lượng vật lý của một phép đo vật lý. 	<ul style="list-style-type: none"> Tính sai số tuyệt đối, sai số tỉ đối, viết kết quả đo một đại lượng vật lý từ một bảng kết quả đo. 	
<i>Bài 1. Tốc độ, độ dịch chuyển và vận tốc</i>	<ul style="list-style-type: none"> Quãng đường và độ dịch chuyển. Vận tốc và tốc độ. Biểu thức tính vận tốc và tốc độ trung bình và tức thời. 	<ul style="list-style-type: none"> Phân biệt được: Quãng đường và độ dịch chuyển. Vận tốc và tốc độ. Vai trò của vận tốc và tốc độ. Liên hệ Quãng đường và độ dịch chuyển. Vận tốc và tốc độ (Khi nào bằng nhau – khi nào không bằng nhau) 	<ul style="list-style-type: none"> Tính được: Quãng đường và độ dịch chuyển của chuyển động thẳng và vuông góc nhau. Vận tốc trung bình và tốc độ trung bình gồm 2 hoặc 3 giai đoạn. 	
<i>Bài 2. Đồ thị độ dịch chuyển – thời gian. Độ dịch chuyển tổng hợp và vận tốc tổng hợp</i>	<ul style="list-style-type: none"> Biểu thức tính độ dịch chuyển và quãng đường đi được của một chuyển động thẳng và có tốc độ không đổi. Dạng đồ thị độ dịch chuyển và vận tốc theo thời gian của một chuyển động thẳng và có tốc độ không đổi. Biểu thức vận tốc tổng hợp. 	<ul style="list-style-type: none"> Biết thiết lập phương trình độ dịch chuyển của một chuyển động thẳng và có tốc độ không đổi. Từ đồ thị độ dịch chuyển xác định được các tính chất chuyển động và ngược lại. Ý nghĩa các vận tốc trong biểu thức vận tốc tổng hợp. 	<ul style="list-style-type: none"> Vẽ đồ thị độ dịch chuyển từ bảng giá trị d và t cho trước. Giải bài toán 2 vật gặp nhau: Cùng phương và khác phương. Xác định các vận tốc trong biểu thức vận tốc tổng hợp. 	
Chủ đề II. Chuyển động biến đổi				
<i>Bài 1. Gia tốc và đồ thị vận tốc – thời gian</i>	<ul style="list-style-type: none"> Định nghĩa và biểu thức tính gia tốc. Dạng đồ thị vận tốc của chuyển động thẳng có vận tốc biến đổi theo thời gian. 	<ul style="list-style-type: none"> Quan hệ giữa véc tơ gia tốc và vận tốc của chuyển động thẳng có vận tốc biến thiên (tăng hoặc giảm). Hiểu được ý nghĩa đồ thị vận tốc của chuyển động thẳng có vận tốc biến đổi theo thời gian. 	<ul style="list-style-type: none"> Xác định được gia tốc của chuyển động từ các chuyển động có vận tốc biến thiên hoặc từ đồ thị độ dịch chuyển theo thời gian. Vẽ được đồ thị độ dịch chuyển theo thời gian từ bảng giá trị d và t cho trước. 	

			<ul style="list-style-type: none"> • Xác định quãng đường chuyển động từ đồ thị độ dịch chuyển theo thời gian. 	
<u>Bài 2. Chuyển động thẳng biến đổi đều</u>	<ul style="list-style-type: none"> • Định nghĩa và tính chất của chuyển động thẳng biến đổi đều; Sự rơi tự do. • Biểu thức tính độ dịch chuyển; Quãng đường; Vận tốc tức thời; Vận tốc trung bình; Hệ thức độc lập với thời gian của chuyển động thẳng biến đổi đều và sự rơi tự do. 	<ul style="list-style-type: none"> • Phân biệt được hai loại chuyển động thẳng nhanh dần đều và chậm dần đều. Trong đó cần lưu ý cách biểu diễn véc tơ vận tốc và gia tốc. • Ý nghĩa các đại lượng trong biểu thức tính độ dịch chuyển; Quãng đường; Vận tốc tức thời; Vận tốc trung bình; Hệ thức độc lập với thời gian của chuyển động thẳng biến đổi đều và sự rơi tự do. 	<ul style="list-style-type: none"> • Xác định các đại lượng của chuyển động thẳng biến đổi đều và rơi tự do từ đặc điểm chuyển động hoặc đồ thị. • Giải được bài toán 2 chất điểm gặp nhau và khoảng cách giữa 2 chất điểm. • Vẽ được đồ thị độ dịch chuyển và vận tốc theo thời gian của chuyển động thẳng biến đổi đều. 	Giải bài toán về chuyển động thẳng biến đổi đều.